

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

A: 23
H: 10

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

(91)
T. Mạnh

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401706)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123220047	Lâm Lê Bình	An	13/12/2005	CCQ2322B	1203	7,7	42	56	
2	2123220078	Huỳnh Tuấn	Anh	16/11/2005	CCQ2322B	1205	7,4	24	44	
3	2123220092	Nguyễn Nhật	Anh	12/01/2004	CCQ2322C	1206	6,8	8,0	7,5	
4	2123220016	Phạm Hải	Anh	10/04/2005	CCQ2322A	1205	7,1	46	56	
5	2123220045	Trần Gia	Bảo	10/01/2005	CCQ2322B	1206	7,7	16	40	
6	2123220058	Lê Chánh	Bình	18/12/2005	CCQ2322B	1206	7,3	40	5,3	
7	2123220068	Biều Thế	Chi	23/09/2005	CCQ2322B	1203	8,3	3,8	5,6	
8	2123220094	Trịnh Văn	Cường	13/07/2005	CCQ2322C	1204	9,4	6,8	7,8	
9	2123220053	Lê Quang	Đạo	03/01/2005	CCQ2322B	1204	8,0	24	46	
10	2123220004	Huỳnh Thị	Đạt	12/12/2005	CCQ2322A	1203	7,9	22	45	
11	2123220005	Nguyễn Đình	Đạt	19/05/2005	CCQ2322A	1204	7,6	54	6,9	
12	2122110512	Trần Văn	Đức	29/02/2004	CCQ2211L	1203	7,1	22	42	
13	2123220105	Hứa	Duy	30/11/2004	CCQ2322C	1205	5,9	24	3,8	
14	2123220043	Trần Nhật	Duy	14/09/2005	CCQ2322B	1204	7,7	22	44	
15	2123220069	Lữ Thu	Hà	02/07/2005	CCQ2322B	1205	8,0	2,8	4,9	
16	2123220040	Tạ Quang	Hà	08/01/2004	CCQ2322B	1203	7,8	30	4,9	
17	2123220083	Trần Nguyễn Gia	Hân	13/04/2005	CCQ2322C	1204	9,6	7,6	8,4	
18	2123220006	Nguyễn Dương Thanh	Hằng	25/10/2005	CCQ2322A	1203	8,6	3,4	5,5	
19	2123220038	Nguyễn Đình	Hoàng	22/05/2005	CCQ2322A	1204	8,6	5,6	6,8	
20	2123220048	Phan Hữu	Hoàng	12/05/2005	CCQ2322B	1204	7,3	42	5,4	
21	2123220008	Hứa Minh	Hung	08/02/2005	CCQ2322A		0,0			
22	2123220044	Lê Quốc	Hung	05/09/2004	CCQ2322B	1206	8,1	5,6	6,6	
23	2123220002	Trần Thị	Hương	10/06/2004	CCQ2322A	1206	7,8	4,8	6,0	
24	2123220086	Lê Thanh	Huy	28/07/2005	CCQ2322C	1205	9,9	8,8	9,2	
25	2123220003	Phạm Quốc	Huy	14/05/2005	CCQ2322A	1206	6,5	6,6	6,6	
26	2123220039	Phạm Văn	Huy	09/09/2005	CCQ2322B	1205	6,9	6,8	6,8	
27	2123220099	Trần Thanh	Huy	28/10/2004	CCQ2322C	1203	6,6	4,6	5,4	
28	2123220033	Đinh Văn	Khang	02/09/2005	CCQ2322A	1206	7,1	2,2	4,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401706)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 33

Số bài thi:33

Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên	Khoa	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123220029	Lê Anh	Khoa	05/11/2005	CCQ2322A	1203		9,8	9,0	9,3	
30	2123220049	Trần Minh	Khôi	10/12/2005	CCQ2322B	1204		5,1	6,6	6,0	
31	2123220011	Dương Tuấn	Kiệt	01/10/2005	CCQ2322A	1205		9,1	7,2	8,0	
32	2123220096	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	18/05/2005	CCQ2322C	1203		9,1	7,0	7,8	
33	2123220066	Đỗ Hoàng	Lâm	27/10/2004	CCQ2322B			0,0			
34	2123220072	Huỳnh Phước	Lộc	19/12/2005	CCQ2322B	1206		9,4	7,2	8,1	
35	2123220102	Lê Đặng Huỳnh	Lộc	21/12/2005	CCQ2322B			0,0			
36	2123220031	Hồ Văn	Long	21/05/2005	CCQ2322A	1203		8,0	4,2	5,7	
37	2123220036	Nguyễn Nhật	Long	07/01/2004	CCQ2322A			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

92

T. Mạnh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401706)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123220087	Nguyễn Tấn Lượng	22/04/2005	CCQ2322C	1203	Lượng	8,8	30	5,3	
2	2123220062	Nguyễn Hoàng Mai	04/09/2003	CCQ2322B			0,0			
3	2123220050	Nguyễn Xuân Mạnh	02/10/2003	CCQ2322B			0,0			
4	2122110583	Phan Vũ Bảo Minh	16/03/2004	CCQ2211N	1204	Minh	6,4	2,8	4,2	
5	2123220051	Quách Công Nam	17/07/2005	CCQ2322B			0,0			
6	2123220032	Trần Văn Nghĩa	11/06/2005	CCQ2322A			0,0			
7	2123220098	Dương Tôn Thái Ngọc	10/03/2005	CCQ2322C	1205	Ngọc	8,7	7,2	7,8	
8	2123220059	Trần Thái Nguyên	11/11/2005	CCQ2322B	1204	Nguyên	7,0	3,8	5,1	
9	2123220067	Nguyễn Công Triệu Phú	09/06/2005	CCQ2322B	1204	Phú	9,1	4,0	6,0	
10	2123220022	Huỳnh Vĩnh Phúc	15/09/2005	CCQ2322A			0,0			
11	2123220093	Lê Nguyễn Ngọc Phúc	18/05/2005	CCQ2322C	1206	Phúc	6,2	6,8	6,6	
12	2123220020	Lê Thanh Phương	21/03/2005	CCQ2322A	1203	Phương	7,4	5,0	6,0	
13	2123220017	Lê Anh Quân	23/03/2005	CCQ2322A	1204	Quân	5,4	2,4	3,6	
14	2123220023	Nguyễn Việt Quang	07/05/2005	CCQ2322A	1205	Quang	7,1	4,0	5,2	
15	2123220041	Phạm Minh Tâm	12/01/2005	CCQ2322B	1206	Tâm	7,7	5,0	6,1	
16	2123220009	Mai Hữu Thành	11/04/2005	CCQ2322A	1203	Thành	8,7	6,6	7,4	
17	2123220060	Đinh Hoàng Phương Thảo	13/01/2005	CCQ2322A	1203	Thảo	8,4	5,8	6,8	
18	2123220084	Nguyễn Ngọc Thiện	15/10/2003	CCQ2322C	1206	Thiện	6,5	6,2	6,3	
19	2123220034	Nguyễn Ngọc Thịnh	10/01/2001	CCQ2322A	1205	Thịnh	9,4	8,0	8,6	
20	2123220089	Trần Quốc Thịnh	02/08/2005	CCQ2322C			0,0			
21	2123220025	Võ Minh Thông	02/09/2005	CCQ2322A	1203	Thông	8,3	4,8	6,2	
22	2123220107	Đặng Ngọc Thuận	30/07/2005	CCQ2322C			0,0			
23	2122110254	Phan Ngọc Thương	06/09/2004	CCQ2211G	1205	Thương	8,8	4,4	6,2	
24	2122110551	Lê Thị Mỹ Tiên	18/06/2004	CCQ2211M	1204	Tiên	6,5	2,6	4,2	
25	2123220046	Nguyễn Đăng Minh Tiến	29/06/2004	CCQ2322B	1204	Tiến	7,6	4,8	5,9	
26	2123110343	Lương Trung Tình	28/07/2005	CCQ2322C	1205	Tình	5,5	2,6	3,8	
27	2123220071	Nguyễn Khương Toại	12/07/2003	CCQ2322B	1206	Toại	6,7	5,2	5,8	
28	2123220074	Trần Thái Trọng Toàn	01/01/2005	CCQ2322B			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 GV viên chấm thi 1 GV viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401706)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 28...

Số bài thi:28...

Số tờ giấy thi: 28..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trái	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123220010	Triệu Văn	Trái	11/02/2005	CCQ2322A	1204		8,1	6,2	7,0	
30	2123220085	Nguyễn Ngọc	Trọng	20/10/2005	CCQ2322C	1205		9,2	4,6	6,4	
31	2123220075	Vũ Văn	Trọng	25/04/2004	CCQ2322A			0,0			
32	2123220001	Phạm Thị Thanh	Tú	26/09/2005	CCQ2322A	1203		8,1	4,2	5,8	
33	2123220063	Hứa Anh	Tuấn	10/04/2005	CCQ2322C	1205		8,2	1,4	4,1	
34	2123220012	Trần Thị Yến	Vi	15/03/2004	CCQ2322A	1204		9,2	7,2	8,0	
35	2123220081	Đặng Quốc	Việt	10/09/2005	CCQ2322A	1203		9,5	7,8	8,5	
36	2123220091	Lê Đình Xuân	Việt	06/08/2005	CCQ2322C	1206		8,2	3,6	5,4	
37	2123220026	Lê Quang	Vinh	14/04/2005	CCQ2322C			0,0			
38	2123220101	Trần Hữu	Vinh	21/05/2005	CCQ2322C	1204		7,7	6,0	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

A:20

H:06

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(93)

T.Tuân

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401704)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110357	Võ Vy Ân	06/12/2003	CCQ2311J			4,3			
2	2123110318	Lê Bảo Trâm	09/09/2005	CCQ2311I	1203		8,7	5,0	6,5	
3	2123110362	Lê Hoàng	08/07/2005	CCQ2311J	4204	Anh	8,2	2,0	4,5	
4	2123110304	Nguyễn Trung	21/10/2005	CCQ2311I			0,0			
5	2123110359	Nguyễn Ngọc	27/08/2005	CCQ2311J	1206		9,2	4,4	6,3	
6	2122110333	Hoàng Phùng Thành	13/08/2004	CCQ2211I	1203	ĐAT	7,8	3,4	5,2	
7	2123110306	Phan Tấn	02/02/2005	CCQ2311I	1204		8,3	3,6	5,5	
8	2123110355	Bùi Thị Hồng	19/04/2005	CCQ2311J	1205		7,3	4,0	5,3	
9	2123110317	Nguyễn Dư Gia	03/11/2004	CCQ2311I	1206		8,0	5,2	6,3	
10	2123110342	Cao Phi	24/12/2005	CCQ2311J	1203		9,1	4,0	6,0	
11	2123110292	Cao Thanh	07/10/2005	CCQ2311I	1204		6,2	3,0	4,3	
12	2123110365	Vĩ Ngọc	03/05/2003	CCQ2311J	1205		8,7	6,4	7,3	
13	2122110323	Dương Nhật	30/12/2004	CCQ2211I	1206		8,2	3,8	5,6	
14	2123110351	Phan Văn	02/11/2004	CCQ2311J	1206		8,6	4,2	6,0	
15	2123110293	Lê Đức Anh	02/10/2005	CCQ2311I	1204		8,2	3,6	5,4	
16	2123110364	Trần Quốc	13/09/2005	CCQ2311J	1205		8,7	3,6	5,6	
17	2123110334	Vòng Tài	28/04/2005	CCQ2311J	1206		8,7	3,4	5,5	
18	2123110346	Hồ Xuân	29/05/2005	CCQ2311J	1203		7,3	1,6	3,9	
19	2123110332	Lê Tấn	02/08/2005	CCQ2311J	1205		9,3	3,8	6,0	
20	2123110291	Trần Văn	05/01/2005	CCQ2311I	1204		7,7	3,0	4,9	
21	2123110514	Hồ Tấn	25/05/2005	CCQ2311J	1205		8,7	6,2	7,2	
22	2123110331	Phạm Hữu	29/07/2005	CCQ2311J	1206		8,5	4,8	6,3	
23	2123110308	Lê Trần Chính	08/12/2005	CCQ2311I	1203		9,7	5,8	7,4	
24	2123110299	Trần Mậu	24/05/2004	CCQ2311I	1204		8,6	3,4	5,5	
25	2123110322	Nguyễn Thống	13/12/2005	CCQ2311I	1205		6,5	3,4	4,6	
26	2122110432	Hồ Trung	02/06/2004	CCQ2211IA	1206		6,1	4,0	4,8	
27	2123110314	Hồ Thị Bích	26/03/2005	CCQ2311I	1203		7,6	2,6	4,6	
28	2123110353	Nguyễn Nhật	17/07/2005	CCQ2311I	1204		8,2	5,0	6,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

(94)

A:17
H:05

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Phạm Văn Minh

Phan Kim Ngân

Phạm Văn Minh

T. Tuấn
Phạm Văn Minh

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401703)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110216	Phạm Hà An	13/09/2005	CCQ2311G	1203		7,7	5,8	6,6	
2	2123110233	Lê Đình Bằng	17/08/2005	CCQ2311G	1203		8,3	6,2	7,0	
3	2123110249	Hoàng Đình Bảo	14/04/2005	CCQ2311G	1206		8,0	4,4	5,8	
4	2123110258	Thành Ninh Bình	31/10/2004	CCQ2311H	1206		5,0	5,0	5,0	
5	2123110225	Lê Thị Bích Châm	11/02/2005	CCQ2311G	1205		5,4	3,6	4,3	
6	2123110259	Tô Thị Mai Chi	16/11/2005	CCQ2311H	1206		8,0	4,6	6,0	
7	2122110570	Nguyễn Phát Đạt	08/03/2004	CCQ2211N	1205		10,0	7,8	8,7	
8	2123110276	Hà Vũ Đông	08/10/2003	CCQ2311H	1206		8,4	6,8	7,4	
9	2123110226	Nguyễn Tuấn Vũ Duy	12/10/2005	CCQ2311G	1205		9,9	8,4	9,0	
10	2123110252	Văn Thị Ngọc Hằng	18/03/2005	CCQ2311H	1205		7,2	5,2	6,0	
11	2123110278	Ngân Thị Hạnh	11/03/2005	CCQ2311H	1209		7,5	4,4	5,6	
12	2123220013	Trần Đức Hoàn	23/04/2002	CCQ2322A	12011		7,8	3,2	5,0	
13	2123110285	Hoàng Thanh Hồng	01/10/2005	CCQ2311H	1203		8,2	5,8	6,8	
14	2123110265	Hồ Văn Hùng	01/10/2005	CCQ2311H			5,5			
15	2123110217	Nguyễn Đức Huy	17/07/2005	CCQ2311G	1205		9,2	3,4	5,7	
16	2123110250	Vũ Hoàng Huy	19/12/2005	CCQ2311G	1204		7,0	2,8	4,0	
17	2123110246	Hồ Văn Khoa	07/03/2005	CCQ2311G	1203		7,5	3,0	4,8	
18	2123110220	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	25/09/2005	CCQ2311G			0,0			
19	2123110274	Phan Đình Trung Kiên	28/09/2005	CCQ2311H			0,0			
20	2123110279	Phạm Tuấn Kiệt	08/11/2005	CCQ2311H			0,0			
21	2123110235	Trần Thị Bích Liên	31/05/2003	CCQ2311G	1203		7,4	3,2	4,9	
22	2123110476	Trịnh Phương Linh	25/04/2005	CCQ2311H	1206		8,1	3,2	5,2	
23	2123110241	Hồ Công Minh	07/07/2005	CCQ2311G	1203		8,3	5,2	6,4	
24	2123110297	Phan Anh Minh	26/01/2005	CCQ2311H	1204		7,7	8,8	8,4	
25	2123110281	Nguyễn Hữu Nghĩa	03/05/2004	CCQ2311H	1205		6,5	2,0	3,8	
26	2123110280	Thân Trường Nhận	13/08/2005	CCQ2311H	1206		7,7	3,8	5,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

(95)

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401703)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: ...18.

Số bài thi:18.

Số tờ giấy thi: ...18..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110244	Giang Minh Nhật	22/04/2004	CCQ2311G	1204	Nhat	8,3	6,0	6,9	
2	2123110242	Hoàng Tuấn Nhật	02/12/2005	CCQ2311G	1205	Nhat	7,3	4,4	5,6	
3	2122110213	Huỳnh Anh Nhật	06/09/2004	CCQ2211F	1206	Nhat	7,8	4,4	5,8	
4	2123110230	Ngô Tấn Phát	19/02/2005	CCQ2311G			0,0			
5	2123110256	Lê Đức Phúc	07/06/2005	CCQ2311H			0,0			
6	2123110223	Nguyễn Huỳnh Phúc	12/10/2004	CCQ2311G	1205	Phuc	9,5	6,8	7,9	
7	2123110247	Nguyễn Minh Phúc	14/10/2005	CCQ2311G			2,2			
8	2123110236	Trần Hữu Phước	19/07/2005	CCQ2311G	1203	Phu	10,0	7,6	8,6	
9	2123110273	Nguyễn Hữu Quang	15/08/2005	CCQ2311H	1204	Quang	8,5	4,4	6,0	
10	2123110219	Tạ Văn Hoài Sung	01/04/2005	CCQ2311G	1205	S	9,1	6,2	7,4	
11	2123110267	Lê Bá Tài	20/09/2004	CCQ2311H			0,0			
12	2123110272	Ngô Văn Tài	15/12/2004	CCQ2311H	1203	Tai	7,3	2,8	4,6	
13	2123110261	Nguyễn Hữu Tài	06/06/2005	CCQ2311H	1204	Tai	6,7	7,8	7,4	
14	2123110245	Phạm Minh Thân	17/01/2005	CCQ2311G			1,9			
15	2123110284	Tạ Vũ Chiến Thắng	12/02/2005	CCQ2311H	1205	Thay	8,2	5,8	6,8	
16	2122110231	Đỗ Đăng Xuân Thiên	20/11/2004	CCQ2211F	1206	Tha	7,4	3,6	5,1	
17	2123110228	Phạm Thị Cẩm Tiên	03/03/2005	CCQ2311G	1203	Tien	8,5	5,8	6,9	
18	2123110222	Huỳnh Phúc Tiến	01/04/2005	CCQ2311G			0,0			
19	2123110523	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/08/2005	CCQ2311G			0,0			
20	2123110286	Nguyễn Hữu Trí	13/06/2003	CCQ2311H	1206	TRI	7,0	1,2	3,5	
21	2123110251	Nguyễn Thanh Trúc	25/11/2005	CCQ2311H			5,9			
22	2123110227	Nguyễn Đức Trung	26/11/2005	CCQ2311G	1203	Trung	8,1	6,0	6,8	
23	2123110260	Lương Thanh Tú	01/08/2004	CCQ2311H	1204	Tu	8,3	6,2	7,0	
24	2123110462	Nguyễn Hoàng Vi	09/09/2005	CCQ2311G	1205	Vi	7,5	4,8	5,9	
25	2122110098	Võ Đại Vi	18/04/2004	CCQ2211C	1206	Vi	6,4	2,2	3,9	
26	2123110231	Nguyễn Tuấn Vũ	12/12/2005	CCQ2311G	1205	Vu	7,6	5,2	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401704)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: ...2..8

Số bài thi:2..8

Số tờ giấy thi: ...2..8

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110344	Trần Hoàng Phúc	27/09/2003	CCQ2311J	1203		7,1	2,2	4,2	
2	2123110309	Lưu Nhật Qua	20/04/2004	CCQ2311I	1204		9,5	8,6	9,0	
3	2123110329	Huỳnh Ngọc Quốc	25/05/2001	CCQ2311J	1203		6,7	5,0	5,7	
4	2122110423	Hoàng Công Sơn	05/09/2004	CCQ2211LA	1204		7,8	1,8	4,2	
5	2123110371	Nguyễn Chí Thanh	24/04/2002	CCQ2311J	1203		7,9	5,2	6,3	
6	2123110313	Lê Minh Thành	06/10/2005	CCQ2311I	1204		8,8	5,6	6,9	
7	2123110300	Phan Văn Thành	02/05/2005	CCQ2311I	1203		8,2	3,4	5,3	
8	2123110320	Văn Thi	15/01/2005	CCQ2311I	1206		7,0	3,8	5,1	
9	2123110354	Lê Ngọc Thiện	24/01/2005	CCQ2311J	1205		9,7	9,0	9,3	
10	2123110316	Lê Huỳnh Thiệp	25/03/2005	CCQ2311I	1206		7,6	3,4	5,1	
11	2122110325	Nguyễn Bá Thịnh	17/09/2004	CCQ2211I	1205		7,5	2,2	4,3	
12	2123110325	Quách Minh Thông	28/11/2005	CCQ2311J	1206		7,8	5,4	6,4	
13	2123110319	Nguyễn Minh Thư	07/08/2005	CCQ2311I	1205		8,0	4,2	5,7	
14	2123110341	Lê Thị Cẩm Tiên	23/02/2005	CCQ2311J	1206		8,7	4,4	6,1	
15	2123110361	Trần Văn Tinh	09/11/2002	CCQ2311J	1204		8,1	5,2	6,4	
16	2123110340	Mai Thị Trang	09/12/2005	CCQ2311J	1203		8,4	3,0	5,2	
17	2123110324	Trịnh Thị Thuý	17/01/2005	CCQ2311I			0,0			
18	2123110302	Ngô Minh Trí	08/05/2005	CCQ2311I	1203		9,0	6,6	7,6	
19	2123110338	Phạm Đình Minh Trí	04/09/2005	CCQ2311J	1204		10,0	7,0	8,2	
20	2123110335	Nguyễn Minh Trọng	28/04/2005	CCQ2311J	1206		8,5	5,0	6,4	
21	2123110303	Đặng Quốc Trung	25/12/2005	CCQ2311I	1205		8,5	6,4	7,2	
22	2123110310	Tôn Quốc Tuấn	11/11/2005	CCQ2311I	1205		8,2	6,0	6,9	
23	2123110363	Tôn Thất Tùng	13/02/2005	CCQ2311J	1206		8,6	5,4	6,7	
24	2123110352	Trần Bá Tuyên	12/08/2005	CCQ2311I	1205		8,0	3,6	5,4	
25	2123110288	Nguyễn Anh Việt	17/10/2005	CCQ2311I	1206		5,3	2,8	3,8	
26	2123110337	Trần Văn Việt	07/01/2005	CCQ2311J	1206		8,1	3,4	5,3	
27	2123110358	Đặng Quốc Vinh	18/12/2005	CCQ2311J	1203		8,4	5,4	6,6	
28	2123110350	Nguyễn Thanh Vũ	14/11/2005	CCQ2311J	1204		7,9	5,8	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

96

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401704)

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122110433	Phạm Quốc Chí	Vỹ	31/10/2004	CCQ2211LA	1204	7,7	3,4	5,1	